TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 9 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 1364/2026/QĐST-HNGĐ	*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 07 tháng 07 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH

CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 9 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ vào Điều 212, 213 và Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 55, 57 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014);

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 1073/2026/HNST ngày 29 tháng 05 năm 2026 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

* Bà Nguyễn Xuân N, sinh năm: 1995, CCCD số: 089195007187. Địa chỉ: Số XX đường B, phường T, Thành phố H;

* Ông Nguyễn Hoàng T, sinh năm: 1995, CCCD số: 056095006411. Địa chỉ: Số XX đường B, phường T, Thành phố H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Bà Nguyễn Xuân N và ông Nguyễn Hoàng T quen biết, đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 199/2024 ngày 12/12/2024 của Ủy ban nhân dân Phường F, quận G, Thành phố H (nay là phường A, Thành phố H) chứng nhận. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc. Sau phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do lối sống không phù hợp giữa vợ chồng. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài mục đích hôn nhân không đạt được, bà Ngọc và ông Thành yêu cầu được thuận tình ly hôn;

[2] Bà Nguyễn Xuân N và ông Nguyễn Hoàng T không có con chung.

[3] Về tài sản chung và nghĩa vụ dân sự chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1.1. *Về quan hệ hôn nhân*: Bà Nguyễn Xuân N và ông Nguyễn Hoàng T thuận tình ly hôn.

Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 199/2024 ngày 12/12/2024 của Ủy ban nhân dân Phường F, quận G, Thành phố H (nay là phường A, Thành phố H) không còn giá trị pháp luật kể từ ngày quyết định có hiệu lực.

1.2. *Về con chung*: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết

1.3. *Về tài sản chung và nghĩa vụ dân sự*: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Lệ phí về việc công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con, chia tài sản khi ly hôn: 300.000 (ba trăm ngàn) đồng do bà Nguyễn Xuân N và ông Nguyễn Hoàng T nộp nhưng được cấn trừ vào số tiền 300.000 (ba trăm ngàn) đồng đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0033754 ngày 29/05/2026 của Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh). Bà N và ông T đã nộp đủ lệ phí.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 4, Điều 6 và Điều 36 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 34 của Luật thi hành án dân sự năm 2025.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

THẨM PHÁN

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND Khu vực 9 – TP.HCM;
- THADS TP.HCM;
- UBND phường An Hội Tây, TP. Hồ Chí Minh (để ghi vào sổ hộ tịch);
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

Trần Ngọc Oánh